

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI PHƯỚC

HỒ SƠ MẪU

ĐẤT ĐAI
(CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đại Phước, ngày 11 tháng 07 năm 2025

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân: **XÃ ĐẠI PHƯỚC**

1. Người đề nghị: **NGUYỄN VĂN A**, sinh năm: **01/01/2000**, CCCD số: **111111111111**, cấp ngày: **01/01/2024**, nơi cấp: **cục trưởng cục Cảnh sát QLHC về TTXH/Bộ công an**; **NGUYỄN THỊ B**, sinh năm: **01/01/2000**, CCCD số: **111111111111**, cấp ngày: **01/01/2024**, nơi cấp: **cục trưởng cục Cảnh sát QLHC về TTXH/Bộ công an**.

2. Địa chỉ/trụ sở chính: **SỐ NHÀ, ĐƯỜNG, TỔ....ẤP/KHU PHỐ....XÃ/PHƯỜNG....., TỈNH/TP.**

3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...): **0123456789.**

4. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., tỉnh...): Thửa số **...111.**, tờ số **...11.** – xã **..???**..

5. Diện tích đất (m^2):.....**???** m^2 ...(**diện tích cần chuyển MĐSD đất**), trong đó:

a) Diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo quy định của pháp luật về đất trồng lúa (m^2) (nếu có):

b) Diện tích đất phải bóc tách tầng đất mặt theo pháp luật về đất trồng lúa (m^2) (nếu có):

6. Diện tích rừng (m^2) (nếu có):

7. Đề sử dụng vào mục đích: **???? (VD: Xây dựng nhà ở/tách thửa/vv)**.....

8. Thời hạn sử dụng đất:; Hình thức sử dụng đất:

9. Xác định nhu cầu sử dụng đất thuộc trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định (nếu có).....

10. Cam kết sử dụng đất, sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, pháp luật lâm nghiệp, pháp luật về đất trồng lúa; nộp tiền sử dụng đất/tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có); bóc tách tầng và sử dụng đất mặt đầy đủ, đúng hạn. Các cam kết khác (nếu có):

11. Tài liệu gửi kèm (nếu có)

- **Giấy CNQSD đất số:; Bản vẽ số....; Đơn đề nghị tách/ hợp thửa đất (nếu có)**

-

-

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Văn A Nguyễn Thị B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

Bà CCCD:

Cùng sử dụng đất với người khác

2. Thông tin thửa đất:

a. Thửa đất số: 130 ; tờ bản đồ số: 17 b. Diện tích: 84,2 m²

c. Loại đất: Đất ở tại nông thôn 30,0m²; Đất trồng cây lâu năm 54,2m²

d. Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 15/10/2043

đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng chung

e. Địa chỉ: xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

3. Thông tin tài sản gắn liền với đất: -/-

Đồng Nai, ngày 27. tháng 5 năm 2025

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

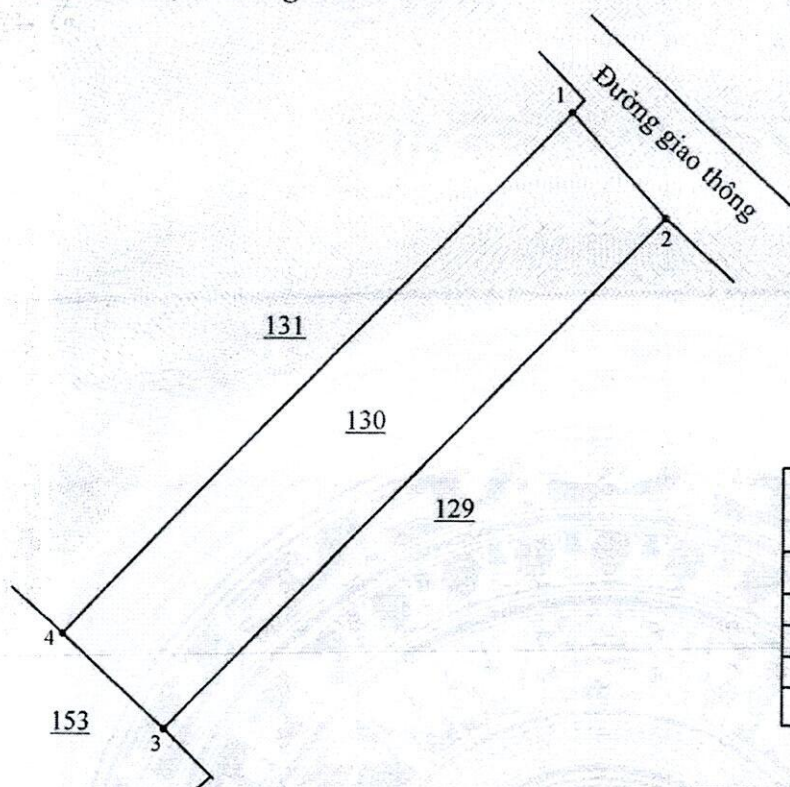


AA 01794320

Nguyễn Đình Nghĩa

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1188584,68	394945,54	4,06
2	1188581,64	394948,24	20,61
3	1188566,86	394933,88	4,02
4	1188569,59	394930,93	21,01
1	1188584,68	394945,54	

5. Ghi chú:

6. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: 1188584,68.....

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

Ông Đinh Đình Nghĩa, CCCD: 990301001234

Cùng sử dụng đất với người khác

2. Thông tin thửa đất:

a. Thửa đất số: 130 ; tờ bản đồ số: 17 b. Diện tích: 84,2 m²

c. Loại đất: Đất ở tại nông thôn 30,0m²; Đất trồng cây lâu năm 54,2m²

d. Thời hạn sử dụng: Đất ở: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 15/10/2043

đ. Hình thức sử dụng: Sử dụng chung

e. Địa chỉ: xã Phú Hữu, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

3. Thông tin tài sản gắn liền với đất: -/-

Đồng Nai, ngày 27 tháng 5 năm 2025

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

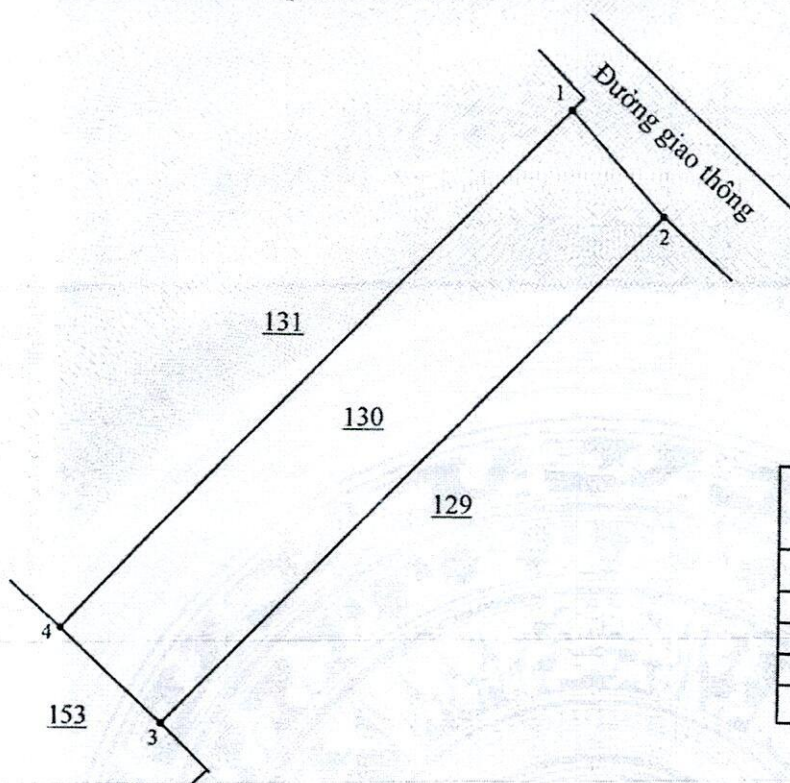


AA 01794321

Nguyễn Đình Nghĩa

Thông tin chi tiết được thể hiện tại mã QR.

4. Sơ đồ thửa đất, tài sản gắn liền với đất:



BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ

Số hiệu đỉnh thửa	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1188584,68	394945,54	4,06
2	1188581,64	394948,24	20,61
3	1188566,86	394933,88	4,02
4	1188569,59	394930,93	21,01
1	1188584,68	394945,54	

5. Ghi chú:

6. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận:

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: vp. 39.27

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

(Mẫu này bị sửa đổi bởi Điểm a, e, g Khoản 7 Điều 1 Thông tư 40/2025/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/07/2025)

(Mẫu dưới đây đã bao gồm nội dung sửa đổi)

Mẫu số: **01/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế: **NGUYỄN VĂN A**

[05] Mã số thuế:

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): **11111111111**

[07] Địa chỉ: **Số nhà 22, hẻm 47, đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 11, ấp Thị Cầu**

[08] Xã/ phường/ đặc khu: **Đại Phước** [09] Tỉnh/Thành phố: **Đồng Nai**

[10] Điện thoại: **0123456789** [11] Fax: [12] Email:

[13] **Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):**

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất): ...**111**.....; Tờ bản đồ số: **11**.

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà: Tòa nhà: Ngõ/Hẻm: **47**

Đường/Phố: **Huỳnh Văn Lũy**, Thôn/xóm/ấp: **Tổ 11, ấp Thị Cầu**

1.2.2. Xã/ phường/ đặc khu: **xã Đại Phước**.....

1.2.4. Tỉnh/thành phố: **Đồng Nai**.....

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

1.4. Mục đích sử dụng đất: (Theo GCNQSD đất/bản vẽ trích lục thửa đất, ONT/CLN/BHK)

1.5. Diện tích (m²): (Theo GCNQSD đất/bản vẽ trích lục thửa đất)

1.6. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ:.....

- Mã số thuế:.....

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):

- Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày tháng năm

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: Loại nhà: Hạng nhà:

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án: Địa chỉ dự án, công trình:

Kết cấu: Số tầng nổi: Số tầng hầm:

Diện tích sở hữu chung (m²): Diện tích sở hữu riêng (m²):

2.2. Diện tích nhà (m²):

Diện tích xây dựng (m²):

Diện tích sàn xây dựng (m²):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày tháng năm

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng ☐, nhận thừa kế ☐, nhận tặng cho ☐ (đồng):

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

STT	Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu	Mã số thuế	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	NGUYỄN VĂN A		11111111111	
	NGUYỄN THỊ B		11111111111	

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-

-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Đại Phước,, ngày 11 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

hoặc

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

Nguyễn Văn A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

[01] **Kỳ tính thuế:** Theo từng lần phát sinh ☐
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDĐ): NGUYỄN VĂN A.....

1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ: Số nhà 22, hẻm 47, đường Huỳnh Văn Lũy, tổ 11, ấp Thị Cầu, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai

1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): Fax email:

1.3 Đại lý thuế (nếu có) :

1.4. Mã số thuế:

1.5. Địa chỉ:

1.6. Xã/ phường/ đặc khu: Tỉnh/Thành phố:

1.7. Điện thoại: Fax: Email:

1.8. Hợp đồng đại lý thuế số : ngày.....

2. Giấy tờ về quyền SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:

3. Đặc điểm thửa đất:

3.1. Địa chỉ thửa đất: tờ bản đồ số: 11 thửa số: 1111

Số nhà Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố **Huỳnh Văn Lũy**, Xã/ phường/ đặc khu: **xã Đại Phước**, Tỉnh/thành phố: **Đồng Nai**.

3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng: CLN/BHK/LUC

3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng: ONT

3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày..... tháng.....năm.....

3.6. Nguồn gốc sử dụng đất:

4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m²): 500m²

4.1. Đất ở tại nông thôn:

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

4.2. Đất ở tại đô thị:

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu

có):

b) Diện tích sử dụng chung:

4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Đại Phước, ngày 11 tháng 08 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Nguyễn Văn A

STT	Họ và tên	MST	CMND/CCCD/ Hộ chiếu (trường hợp cá nhân chưa có MST)	Tỷ lệ
-----	-----------	-----	---	-------

1	NGUYỄN VĂN A		1111111111111	
2	NGUYỄN THỊ B		1111111111111	

[17] Địa chỉ thửa đất:

[17.1] Số nhà:

[17.2] Đường/ phố: **Huỳnh Văn Lũy**

[17.3] Tò/thôn: **Tổ 11, ấp Thị Cầu**

[17.4] Xã/ phường/đặc khu: **xã Đại Phước**

[17.6] Tỉnh/Thành phố: **Đồng Nai**

[18] Là thửa đất duy nhất: ☐

[19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Xã/ phường/đặc khu): **xã Đại Phước**.....

[20] Đã có giấy chứng nhận: ☐

[20.1] Số giấy chứng nhận: **AA 123456**. [20.2] Ngày cấp: **20/02/2022**.

[20.3] Thửa đất số: **111** [20.4] Tờ bản đồ số: **11**

[20.5] Diện tích: **500m²**.....[20.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng: **ONT**

[21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích:

[21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:

[21.3] Hạn mức (nếu có):

[21.4] Diện tích đất lấn, chiếm:

[22] Chưa có giấy chứng nhận: ☐

[22.1] Diện tích: [22.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: [23]

Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

[24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25] (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[25.1] Loại nhà: [25.2] Diện tích: [25.3] Hệ số phân bổ:

5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký
điện tử)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Nguyễn Văn A

II. PHÂN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG (Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)

1. Người nộp thuế

- [27] Họ và tên:
- [28] Ngày/ tháng/ năm sinh:
- [29] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--
- [30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD:
- [31] Ngày cấp: [32] Nơi cấp:

2. Thừa đất chịu thuế

- [33] Địa chỉ:
- [33.1] Số nhà: [33.2] Đường/phố:
- [33.3] Tổ/thôn: [33.4] Xã/ phường/đặc khu:
- [33.6] Tỉnh/Thành phố:
- [34] Đã có giấy chứng nhận: ☐
- [34.1] Số giấy chứng nhận: [34.2] Ngày cấp:
- [34.3] Thừa đất số: [34.4] Tờ bản đồ số:
- [34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:
- [34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
- [34.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng:
- [34.8] Hạn mức (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):
- [35] Chưa có giấy chứng nhận: ☐
- [35.1] Diện tích: [35.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng:
- [36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:
- [37] Thời điểm thay đổi thông tin của thừa đất:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...):

4. Căn cứ tính thuế

- [39] Diện tích đất thực tế sử dụng: [40] Hạn mức tính thuế:
- [41] Thông tin xác định giá đất:
- [41.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: [41.2] Tên đường/vùng:
- [41.3] Đoạn đường/khu vực: [41.4] Loại đường:
- [41.5] Vị trí/hạng: [41.6] Giá đất: [41.7] Hệ số (đường/hẻm...):
- [41.8] Giá 1 m² đất (Giá đất theo mục đích sử dụng):

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[42] Diện tích trong hạn mức (thuế suất: 0,03%)	[43] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (thuế suất: 0,07%)	[44] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (thuế suất 0,15%)
...	...	...

5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[45] Diện tích: [46] Hệ số phân bổ:

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích: [48] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích: [50] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[51] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích: [53] Mục đích thực tế đang sử dụng:

[54] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư):

..., ngày..... tháng..... năm.....

**CÁN BỘ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ
ĐẤT ĐAI**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

..., ngày..... tháng..... năm.....

**GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ
ĐẤT ĐAI**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)